

BẢNG TỔNG HỢP (ĐỢT 4)
GIÁ TRỊ PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG PHỤC VỤ DỰ
ÁN TUYẾN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO HÀ NỘI - QUẢNG NINH TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số: 2387 /QĐ-UBND, ngày 28 tháng 9 năm 2026)

Đơn vị tính: VND

STT	Đại diện người sử dụng đất; chủ sở hữu tài sản	Bồi thường đất Đất ở đô thị (Các lô giáp đường có mặt cắt Bn = 29,5m - Vị trí 01, đơn giá 22.000.000đ/m2, hệ số điều chỉnh giá đất ở là 1,3)		Bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc	Hỗ trợ khác (Thưởng tiền độ bằng 5% giá trị tài sản trên đất)	Tổng cộng
		Diện tích đất (m2)	Thành tiền				
(1)	(2)	(3)	(4)	(9)	(10)		(11)=(4 ÷ 10)
1	Nguyễn Văn Tuấn và bà Phạm Thị Thu Hương	200.0	5,720,000,000	-	0		5,720,000,000
2	Bùi Đình Hùng và bà Mạc Thị Bình	100.0	2,860,000,000	67,825,000	8,588,000	3,820,700	2,940,233,700
3	Nguyễn Văn Quyết và bà Nguyễn Thị Nga	100.0	2,860,000,000	-	8,500,000		2,868,500,000
4	Nguyễn Văn Quý và bà Thân Thị Thanh	100.0	2,860,000,000	34,760,000	8,500,000	2,163,000	2,905,423,000
5	Đỗ Văn Hào và bà Nguyễn Thị Liên	100.0	2,860,000,000	-	0		2,860,000,000
6	Nguyễn Viết Vĩ và bà Phạm Thị Huyền	100.0	2,860,000,000	-	0		2,860,000,000
7	Mạc Thị Nga	100.0	2,860,000,000	-	0		2,860,000,000
8	Nguyễn Bá Sơn và bà Nguyễn Thị Hồng	100.0	2,860,000,000	52,887,000	10,138,000	3,151,300	2,926,176,300
9	Trần Văn Thắng và bà Nguyễn Thị Phương Thảo	100.0	2,860,000,000	-	0		2,860,000,000
10	Trần Văn Việt và bà Bùi Thị Hậu	100.0	2,860,000,000	-	0		2,860,000,000

STT	Đại diện người sử dụng đất; chủ sở hữu tài sản	Bồi thường đất Đất ở đô thị (Các lô giáp đường có mặt cắt Bn = 29,5m - Vị trí 01, đơn giá 22.000.000đ/m2, hệ số điều chỉnh giá đất ở là 1,3)		Bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc	Hỗ trợ khác (Thưởng tiến độ bằng 5% giá trị tài sản trên đất)	Tổng cộng
		Diện tích đất (m2)	Thành tiền				
11	Lê Thị Đào	100.0	2,860,000,000	7,814,000	8,500,000		2,876,314,000
12	Nguyễn Văn Hiền và bà Mạc Thị Lương	100.0	2,860,000,000	-	8,500,000		2,868,500,000
13	Võ Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Lý	100.0	2,860,000,000	-	8,500,000		2,868,500,000
14	Nguyễn Thị Thuý	100.0	2,860,000,000	3,345,000	8,500,000		2,871,845,000
	Tổng cộng	1,500.0	42,900,000,000	166,631,000	69,726,000	9,135,000	43,145,492,000